

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 18-KL/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; phát huy vai trò kiến tạo phát triển của chính quyền; giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và từng người dân.

2. Phân định rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu nhằm cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan của Kết luận số 18-KL/TW bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới, để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Kiên định mục tiêu, hành động quyết liệt, hiệu quả; đánh giá sát tình hình, linh hoạt các giải pháp vượt qua khó khăn của năm 2026, tạo đà bứt phá trong giai đoạn 2027- 2030.

3. Chương trình hành động là căn cứ để các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy; các sở ban, ngành và chính quyền địa phương cấp xã, phường xây dựng chương trình hành động của đơn vị mình theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển tỉnh.

4. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền địa phương hai cấp với tư duy kiến tạo phát triển và phát triển bền vững, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn; huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm

nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Bảo đảm phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Thực hiện hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực. Quản lý nợ công chủ động, an toàn, bền vững. Đầu tư công hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng, có sức lan tỏa lớn, tạo động lực tăng trưởng kinh tế dài hạn.

6. Quán triệt sâu sắc các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, hiện thực hóa các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng; phát huy “tinh thần Điện Biên Phủ năm xưa như một mệnh lệnh phát triển”, đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, chủ động đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhằm xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển Xanh - Thông minh - Bền vững, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 – 2030

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

2. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về phát triển; khơi thông, giải phóng sức sản xuất; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh, tạo cơ sở hình thành mô hình tăng trưởng phù hợp, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh - xanh - thông minh - bền vững. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, khai thông mọi nguồn lực; dám đột phá, dám nghĩ, dám làm và làm đến cùng, làm hiệu quả; phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo, “nghĩ lớn, làm lớn”, không trông chờ, ỷ lại. Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện tiềm năng, lợi thế, xác định rõ dự địa tăng trưởng, lựa chọn đúng hướng đi chiến lược, cụ thể hóa không gian phát triển của tỉnh và từng địa phương.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thực hiện hiệu quả cơ chế “luồng xanh”; rà soát, cắt giảm và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước; thực hiện xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp định hướng phát triển của tỉnh, nhất quán phương châm “Tận dụng tiềm năng, thúc đẩy thị trường, tăng tốc phát triển”, đổi mới mạnh mẽ tư duy, chuyển từ bị động sang chủ động tiếp cận, tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị và uy tín. Nắm chắc nhu cầu, khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư để kịp thời tham mưu giải pháp tháo gỡ, không để kéo dài làm mất cơ hội thu hút đầu tư. Phân đầu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) phân đầu hàng năm tăng ít nhất 1-2 bậc, nằm trong nhóm các tỉnh xếp hạng Khá, từ 17 trở lên.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện.

- Nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là kinh tế số, kinh tế xanh; từng bước thí điểm, phát triển một số lĩnh vực tiềm năng như kinh tế tầm thấp, kinh tế ban đêm gắn với du lịch, dịch vụ tại các địa bàn có điều kiện. Đồng thời, quan tâm nghiên cứu, tiếp cận các mô hình kinh tế mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện của tỉnh; tập trung phát triển nông nghiệp với các loại cây trồng chủ lực đã được xác định gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Ban hành, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về đất đai, thu hút đầu tư, tín dụng, hợp tác công tư nhằm khuyến khích phát triển kinh tế nông nghiệp. Hoàn thiện chính sách quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch và điều kiện sản xuất của từng địa bàn. Nghiên cứu bố trí nguồn lực để hỗ trợ, thí điểm một số mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, gắn với phát triển xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ sản xuất và khả năng tiếp cận của người dân trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ cấu lại kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 2 con số

- Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh

cơ cấu lại các ngành kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, trình độ phát triển và tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh - thông minh - bền vững giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035; gắn với liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp thông minh. Tăng cường các hoạt động thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là chăn nuôi, trồng trọt. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; đẩy mạnh phát triển cây Mắc ca, cà phê theo quy hoạch gắn với chế biến sâu, bao tiêu sản phẩm, xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh chương trình OCOP gắn với chuyển đổi số, thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng Đề án khai thác Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé; đồng thời chú trọng nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, bảo đảm duy trì tăng trưởng ổn định khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Thu hút nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát và phát triển các dự án công nghiệp, nhất là năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, chăn nuôi, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng và hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp; triển khai thực hiện các thủ tục để sớm thành lập cụm, khu công nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế “luồng xanh” trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm, ưu tiên rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị và triển khai đầu tư. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển hạ tầng kỹ thuật gắn với quá trình đô thị hóa; bảo đảm cung ứng vật liệu xây dựng trong giai đoạn tới; kiểm tra, giám sát tiến độ và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa tại các dự án thủy điện. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án năng lượng, công nghiệp chế biến; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện để khu vực công nghiệp - xây dựng đạt và vượt mức tăng trưởng đề ra.

- Tăng cường quảng bá (tiềm năng, thế mạnh, nhất là các điểm du lịch, hệ sinh thái du lịch...) trên mọi nền tảng công nghệ số, AI, bằng nhiều thứ tiếng khác nhau; xúc tiến đầu tư, dịch vụ, du lịch. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch, nhất là các dự án nhà đầu tư quan tâm về nghỉ dưỡng, thể thao... gắn với du lịch lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc; ứng dụng chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống du lịch thông minh, tăng cường quảng bá

trên các nền tảng số; tập trung phát triển các bản du lịch cộng đồng, kết nối, tổ chức các sự kiện kích cầu du lịch, bảo đảm các chuyến bay được tiếp tục duy trì; thúc đẩy liên kết hợp tác phát triển du lịch trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu các sản phẩm du lịch Điện Biên; phát triển kết nối các cung đường du lịch với Trung Quốc, Thái Lan và Lào bằng sản phẩm cụ thể. Đồng thời khai thác hiệu quả Cảng hàng không Điện Biên và hệ thống giao thông kết nối vùng; phát triển mạnh thương mại, vận tải, lưu trú và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với bản sắc văn hóa, lịch sử của tỉnh.

4. Tập trung đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, du lịch, dịch vụ và quản lý nhà nước

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch số 216-KH/TU, ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Trong đó, tập trung phát triển hạ tầng nghiên cứu, dữ liệu và tiêu chuẩn chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học, công nghệ; phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, an toàn; phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; phát triển kinh tế số, doanh nghiệp số và xã hội số; phát huy vai trò của Trung tâm đổi mới sáng tạo, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ phù hợp với điều kiện áp dụng của tỉnh.

5. Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Điện Biên đáp ứng yêu cầu phát triển

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Kế hoạch số 34-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá trên địa bàn tỉnh; khai thác hiệu quả các giá trị di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, phát triển các sản phẩm văn hoá, du lịch đặc trưng; từng bước ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và quảng bá giá trị văn hoá, góp phần phát triển dịch vụ và du lịch. Đồng thời, nâng cao hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở; triển khai Quy hoạch bảo tồn, tu bổ, phát huy giá trị di tích Chiến trường Điện Biên Phủ, tạo điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh.

- Tập trung phát triển toàn diện con người và văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên; xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh quan trọng và động lực thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững; gắn với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm các giá trị dân tộc,

nhân văn, khoa học, hiện đại và thống nhất trong đa dạng. Đồng thời, nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, địa bàn; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút và trọng dụng nhân tài

- Triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Kế hoạch số 05-KH/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và trọng tâm là chuẩn hóa, hiện đại hóa, thay đổi phương thức giáo dục, chú trọng giáo dục giá trị cốt lõi, nhân văn, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống văn hóa dân tộc. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông toàn diện, giáo dục mũi nhọn. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Tiếp tục sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng 15 trường phổ thông dân tộc nội trú tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới theo Thông báo số 81-TB/VPTW, ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Quan tâm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, gắn đào tạo nghề với nhu cầu thực tiễn của tỉnh. Phát huy vai trò của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên trong đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lao động nông thôn, góp phần giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Nâng cao chất lượng dân số và thể trạng nguồn nhân lực; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, hướng nghiệp, đào tạo nghề; chú trọng tạo việc làm, giải quyết việc làm cho nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khoa học công nghệ,...

Xây dựng kế hoạch và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung hợp tác giữa tỉnh

Điện Biên và Tập đoàn FPT. Phối hợp với Đại học Thái Nguyên tổ chức hoạt động hiệu quả Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo với các tỉnh Bắc Lào, Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh Bắc Thái Lan và một số nước trên thế giới.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển

a) Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Chủ động rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tốc độ triển khai Dự án đầu tư đoạn tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang (giai đoạn 1); nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn. Xây dựng hạ tầng nông nghiệp gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững; hạ tầng du lịch trên cơ sở bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử; hạ tầng đô thị là trung tâm kết nối, cung ứng dịch vụ, dẫn dắt chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, vận hành, tạo sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hạ tầng năng lượng, thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước và phòng, chống thiên tai.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số và hạ tầng thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng kết nối, từng bước xây dựng hạ tầng số đồng bộ phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên không gian số; đầu tư, nâng cao hiệu quả hệ thống hạ tầng văn hóa, xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao đời sống Nhân dân; ưu tiên phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực trung tâm chính trị, hành chính tỉnh trở thành một trong những đô thị lớn của tiểu vùng Tây Bắc, trung tâm du lịch lịch sử, cách mạng quốc gia, cửa ngõ giao thương với Lào và các nước ASEAN.

b. Thúc đẩy liên kết nội tỉnh, liên kết vùng

Tập trung hình thành các cực tăng trưởng, vùng động lực phát triển phù hợp với điều kiện của tỉnh; tăng cường liên kết nội tỉnh và liên kết vùng, nhất là với các tỉnh Tây Bắc và khu vực biên giới, gắn với mở rộng, tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lấy đô thị Điện Biên Phủ làm trung tâm phát triển, thúc đẩy lan tỏa đến các đô thị vệ tinh và các khu vực tiềm năng. Đẩy mạnh thương mại biên giới gắn với phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định khu vực biên giới.

8. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035.

- Tập trung bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2035 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. Tiếp tục rà soát; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát; huy động, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư phát triển lưới điện nông thôn.

- Tập trung xây dựng các mô hình phát triển sản xuất thiết thực, hiệu quả; hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ và các chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc yêu cầu chỉ đạo của Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Tô Lâm: *"Nếu dân có nguy cơ bị đói, chính quyền phải lo; dân làm ra sản phẩm không bán được, chính quyền phải lo; đời sống địa phương không nâng cao lên được, chính quyền phải lo"*.

- Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, củng cố hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trên địa bàn. Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Kế hoạch số 07-KH/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2030.

Tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh. Chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần nâng cao thể lực, trí lực, tầm vóc và tuổi thọ khỏe mạnh của Nhân dân.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, gắn với thực hiện quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ động ứng phó với thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất. Xây dựng các hồ chứa lớn, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; triển khai các giải pháp phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét.

- Bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng môi trường sống; đẩy mạnh thu gom, xử lý rác thải, nước thải; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, xử lý môi trường; thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

10. củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối quan điểm của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Chú trọng và nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu; xây dựng chính quy, chấp hành nghiêm kỷ luật, pháp luật; đẩy mạnh huấn luyện theo phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”, sát với đặc điểm địa bàn biên giới, địa hình rừng núi. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026–2030; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để bị động, bất ngờ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 theo Nghị quyết số 163/2024/QH15, ngày 27/11/2024 của Quốc hội; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong công tác phòng, chống ma túy, góp phần giữ vững an ninh trật tự, bảo đảm an toàn xã hội trên địa bàn.

- Triển khai hiệu quả Đề án mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035; tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và một số địa phương của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên bang

Nga; tổ chức thực hiện hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, thực chất, mở rộng hợp tác quốc tế, nhất là với các địa phương giáp biên giới Lào, Trung Quốc trong các lĩnh vực du lịch, logistics, thương mại biên mậu; chủ động xúc tiến, ký kết các thỏa thuận hợp tác với một số địa phương của Thái Lan như Chiềng Rai, Chiềng Mai.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, VAY TRẢ NỢ CÔNG, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026- 2030

1. Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính - ngân sách

a) Đối với thu ngân sách

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thuế; bảo đảm việc thực hiện chính sách thuế trên địa bàn minh bạch, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm nguồn thu cho NSNN; tăng cường quản lý thu, chống thất thu, mở rộng cơ sở thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu phát sinh trên địa bàn; tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế.

- Chỉ đạo quyết liệt tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước và đóng góp cho NSNN.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án tạo nguồn thu từ đất đai theo kế hoạch; tăng cường phối hợp với nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn để bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định, bảo đảm hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với chi ngân sách

- Các cấp, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, chi trả theo đúng quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành, chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật cần thiết và có nguồn đảm bảo; ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ trọng tâm.

- Rà soát phân bổ, phân bổ lại các khoản chi được phép chuyển tiếp sang năm 2026, nhất là vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia để bảo đảm tiến độ thực hiện đóng góp cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

c) Quản lý, sử dụng tài sản công

- Đẩy nhanh tiến độ xử lý, đưa vào khai thác sử dụng đối với tài sản công, cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc đôi, dư sau sắp xếp bộ máy, đề xuất cơ chế đặc thù (nếu cần thiết) trong quản lý sử dụng tài sản công. Đồng thời tăng cường giám sát ngay từ đầu đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách, công trình dự án trọng điểm tại địa phương, lĩnh vực được đầu tư sử dụng nhiều nguồn lực đầu tư công; kiểm soát ngay trong quá trình vận hành; chủ động phát hiện nguy cơ trước khi hình thành sai phạm.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về quản lý nợ

- Quản lý chặt chẽ nợ chính quyền địa phương, bảo đảm trong giới hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; chủ động xây dựng kế hoạch vay, trả nợ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ trả nợ.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, ưu tiên cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng, cấp thiết, có khả năng tạo nguồn thu và tác động lan tỏa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và kết cấu vùng; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tránh dàn trải, lãng phí; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng vốn vay theo quy định.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn

- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Đầu tư công, các nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn, các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; bảo đảm việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và phân bổ vốn phải gắn với đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn, tiến độ thực hiện, không để xảy ra tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, kém hiệu quả; thực hiện bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, giảm tối thiểu 30% số lượng dự án so với giai đoạn 2021-2025; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng, dự án trọng điểm, cấp thiết, có tính lan tỏa, liên kết vùng, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đối với ngân sách trung ương:

+ Chỉ đạo rà soát toàn bộ danh mục dự án dự kiến bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, bao gồm cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang; trên cơ sở đó kiên quyết loại bỏ các dự án kém hiệu quả, không còn cần thiết, không phù hợp với quy hoạch, không bảo đảm tính khả thi hoặc không có khả năng hoàn thành; kiểm soát chặt chẽ việc đề xuất các dự án xây dựng trụ sở, trung

tâm hành chính, bảo đảm phù hợp yêu cầu thực tiễn, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định.

+ Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2026–2030, chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án dự kiến bố trí trong kế hoạch, bảo đảm chỉ đưa vào kế hoạch các dự án đã được đánh giá đầy đủ hiệu quả đầu tư và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc hoàn thiện phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, cơ cấu nguồn vốn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đối với ngân sách địa phương: Rà soát, đánh giá toàn diện danh mục chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn; làm rõ sự cần thiết, mục tiêu đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn, tiến độ và thứ tự ưu tiên của từng dự án. Trên cơ sở đó, tham mưu cấp có thẩm quyền cho chủ trương đối với danh mục và phương án bố trí vốn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Bảo đảm bố trí đủ vốn đối ứng cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; không bố trí dàn trải, vượt khả năng cân đối, không để xảy ra tình trạng vốn chờ dự án.

- Đối với các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài: Bố trí tập trung, trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên các dự án lớn, dự án trọng điểm, đồng thời bố trí vốn cho dự án có hiệu quả cao, ý nghĩa thiết thực và mang tính xoay chuyển tình thế đối với vùng, địa phương.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động này. Chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, hoàn thành trước ngày **20/5/2026**.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh căn cứ Chương trình hành động này, chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; tăng cường theo dõi, phân tích, đánh giá sát tình hình; chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành; kịp thời tháo gỡ khó khăn, khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thường xuyên đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn trong triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ sơ, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện theo quy định.

3. Đảng ủy Hội đồng Nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng Nhân dân tỉnh rà soát, xem xét, quyết định việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, giải pháp để tổ chức thực

hiện các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với nội dung Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động này.

4. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động Nhân dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm trong phản biện và giám sát đối với tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu trong quá trình thực hiện Chương trình hành động này.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; chỉ đạo các cơ quan báo chí, phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền trong Nhân dân, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị; đồng thời chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác tuyên truyền và việc tổ chức học tập, quán triệt tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC I

các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”
 (kèm theo Chương trình số 58-CTr/TU ngày 10/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp uỷ chủ trì	Ghi chú
1	Tốc độ tăng GRDP bình quân/năm (%)	10-11	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
2	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	115	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
3	Năng suất lao động (theo giá hiện hành) (triệu đồng)	193	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
4	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	13,5	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Chỉ tiêu bổ sung
5	Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GRDP giai đoạn 2026-2030 (%)	6,5	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Chỉ tiêu bổ sung
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 (tỷ đồng)	5.000	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Phụ lục I Chương trình số 40
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)	231.000	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
8	Tỷ trọng vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	28	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Chỉ tiêu bổ sung
9	Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 (%)	3,2	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công thương, Thống kê tỉnh)	Chỉ tiêu bổ sung
10	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP bình quân giai đoạn (%)	118,52	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công thương, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
11	Tỷ trọng kinh tế số so với GRDP tỉnh (%)	20-25	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
12	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	13,36	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công thương, Thống kê tỉnh)	Chỉ tiêu bổ sung
13	Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ và hoạt động thương mại biên giới (%)	>10	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công thương)	Phụ lục I Chương trình số 40
14	Tổng số khách du lịch giai đoạn 2026-2030 (triệu lượt)	8	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao)	Phụ lục I Chương trình số 40

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp uỷ chủ trì	Ghi chú
			và Du lịch)	trình số 40
15	Số lượt khách quốc tế đến Điện Biên giai đoạn 2026-2030 (nghìn lượt)	88	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Chỉ tiêu bổ sung
16	Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)	15.000	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Phụ lục I Chương trình số 40
17	Dân số trung bình (vạn người)	71,6	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
18	Tốc độ tăng dân số hằng năm (%)	1,53	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
19	Số lao động được tạo việc làm (lao động/năm)	Từ 8.800-9.000	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	Phụ lục I Chương trình số 40
20	Đào tạo giáo dục nghề nghiệp (lao động/năm)	>8.500	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo)	Phụ lục I Chương trình số 40
21	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 (%)	68,96	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh)	Chỉ tiêu bổ sung
22	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đến năm cuối kỳ (%)	>55	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
23	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (%)	<2,5	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
24	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%/năm)	3	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở NN&MT, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
25	Số bác sĩ/vạn dân (bác sĩ)	14	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế)	Phụ lục I Chương trình số 40
26	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế)	Phụ lục I Chương trình số 40
27	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (%)	>95	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế)	Phụ lục I Chương trình số 40
28	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế (%)	>98	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế)	Phụ lục I Chương trình số 40
29	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đầy đủ các loại vắc xin (%)	95	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế)	Phụ lục I Chương trình số 40
30	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia (%)	85	Đảng uỷ UBND tỉnh	Phụ lục I

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp uỷ chủ trì	Ghi chú
			(Sở Giáo dục và Đào tạo)	Chương trình số 40
31	Tỷ lệ trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục (%)	85	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo)	Phụ lục I Chương trình số 40
32	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá (%)	80	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Phụ lục I Chương trình số 40
33	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố văn hóa (%)	75	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Phụ lục I Chương trình số 40
34	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nhận đạt chuẩn văn hóa (%)	95	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Phụ lục I Chương trình số 40
35	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (%)	60	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Phụ lục I Chương trình số 40
36	Hệ thống đường tỉnh được nhựa hoá hoặc bê tông hoá (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng)	Phụ lục I Chương trình số 40
37	Phòng học được kiên cố hoá (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo)	Phụ lục I Chương trình số 40
38	Phòng nội trú được kiên cố hoá (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo)	Phụ lục I Chương trình số 40
39	Tỷ lệ hộ được dùng điện (%)	99	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công thương)	Phụ lục I Chương trình số 40
40	Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Phụ lục I Chương trình số 40
41	Tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch bảo đảm theo tiêu chuẩn (%)	100	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng)	Phụ lục I Chương trình số 40
42	Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị (%)	96,5	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở NN&MT, Sở Xây dựng)	Phụ lục I Chương trình số 40
43	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	47	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Phụ lục I Chương trình số 40
44	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030 (nghìn doanh nghiệp)	>2	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Chi tiêu bổ sung

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp uỷ chủ trì	Ghi chú
45	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 (%)	>60 ¹	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính)	Chỉ tiêu bổ sung
46	Tỷ lệ đô thị hoá (%)	32	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40
47	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,694	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)	Phụ lục I Chương trình số 40

¹ Kế hoạch số 2092/KH-UBND ngày 23/3/2026 về thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

PHỤ LỤC II

danh mục nhiệm vụ cụ thể để thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2026–2030
(kèm theo Chương trình số 58-CTr/TU ngày 10/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CẤP BAN HÀNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	TỔ CHỨC CƠ QUAN PHỐI HỢP, THAM MƯU	THỜI GIAN BAN HÀNH	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực kinh tế - xã hội					
1	Chỉ thị về đổi mới công tác thi hành pháp luật, ban hành cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh (Ban Nội chính Tỉnh ủy)	Đảng ủy HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Chỉ thị số 08-CT/TU	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
2	Nghị quyết về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Xây dựng)	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 27/02/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
3	Nghị quyết về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, thông minh, bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
4	Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CẤP BAN HÀNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	TỔ CHỨC CƠ QUAN PHỐI HỢP, THAM MUU	THỜI GIAN BAN HÀNH	GHI CHÚ
5	Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 27/02/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
6	Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Dân tộc và Tôn giáo)	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
7	Nghị quyết về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 31/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
8	Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 31/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
9	Nghị quyết về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 27/02/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
10	Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cấp uỷ, chính quyền các cấp trong việc phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Quý II/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CẤP BAN HÀNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	TỔ CHỨC CƠ QUAN PHỐI HỢP, THAM MUU	THỜI GIAN BAN HÀNH	GHI CHÚ
11	Rà soát, đánh giá tính khả thi và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, tháo gỡ triệt để các vướng mắc cho chính quyền địa phương 2 cấp	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026	Nhiệm vụ bổ sung
12	Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Các sở, ban ngành tỉnh	Quý II/2026	Nhiệm vụ bổ sung
13	Hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Các sở, ban ngành tỉnh	Tháng 4/2026	Nhiệm vụ bổ sung
14	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phân đầu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Các sở, ban ngành tỉnh	Tháng 4/2026	Nhiệm vụ bổ sung
15	Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 bảo đảm hiệu quả	HĐND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Các sở, ban ngành tỉnh	Quý II/2026	Nhiệm vụ bổ sung
16	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn tại kéo dài; Hoàn thành đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư công chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thanh tra tỉnh)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Quý II/2026	Nhiệm vụ bổ sung

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CẤP BAN HÀNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	TỔ CHỨC CƠ QUAN PHỐI HỢP, THAM MƯU	THỜI GIAN BAN HÀNH	GHI CHÚ
17	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công Thương, Sở Tài chính)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Quý II/2026	Nhiệm vụ bổ sung
18	Hoàn thành việc tổ chức điều chỉnh quy hoạch điện VIII	UBND tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính, Sở Công Thương)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Quý III/2026	Nhiệm vụ bổ sung
II	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại					
1	Nghị quyết về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giai đoạn 2026-2030	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đảng uỷ Quân sự tỉnh	Đảng uỷ Công an tỉnh và đảng uỷ các xã, phường	Nghị quyết số 10/NQ/TU, ngày 31/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
2	Nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Đảng uỷ Công an tỉnh	Đảng uỷ Quân sự tỉnh và đảng uỷ các xã, phường	Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 24/12/2025	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
3	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Đảng uỷ Công an tỉnh	Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Quý II/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU (đề xuất điều chỉnh sang Quý II/2026)
4	Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ tỉnh Điện Biên giai đoạn	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Đảng uỷ Quân sự tỉnh	Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Quý II/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU (đề xuất điều chỉnh tên và thời

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CẤP BAN HÀNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	TỔ CHỨC CƠ QUAN PHỐI HỢP, THAM MUU	THỜI GIAN BAN HÀNH	GHI CHÚ
	2026-2030					sang Quý II/2026 theo Công văn số 546-CV/ĐU ngày 29/3/2026 của Đảng ủy Quân sự tỉnh)
5	Chỉ thị xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở khu vực biên giới	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU (đề xuất điều chỉnh tên và thời sang Quý II/2026 theo Công văn số 546-CV/ĐU ngày 29/3/2026 của Đảng ủy Quân sự tỉnh)
6	Đề án mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Ngoại vụ)	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Theo PL II kèm theo Chương trình số 40-CT/TU (đề xuất điều chỉnh sang Quý II/2026)

PHỤ LỤC III

danh mục một số công trình, dự án trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030
(kèm theo Chương trình số 58-CTr/TU ngày 10/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Điện Biên)

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MUU, PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
I	Các Dự án, công trình trọng điểm sử dụng vốn Ngân sách nhà nước					
1	Đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang (giai đoạn 1)	Đảng uỷ UBND tỉnh (Ban Quản lý dự án các công trình giao thông)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	NSTW, NSDP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
2	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 12 đến cửa khẩu A Pa Chải	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Tài chính)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	NSTW, NSDP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
3	Nâng cấp Cửa khẩu song phương A Pa Chải - Long Phú	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Ngoại vụ)	Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Năm 2026	NSNN	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
4	Xây dựng các trường Phổ thông dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học, Trung học cơ sở tại 15 xã biên giới	Đảng uỷ UBND tỉnh (Các chủ đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2027	NSTW, NSDP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
5	Hệ thống thuỷ lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các	2026-2030	NSTW, NSDP, ODA	Theo PL III kèm theo Chương trình

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MUÙ, PHÓI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
			đơn vị, địa phương liên quan			số 40-CT/TU
6	Các dự án cụm hồ tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	NSTW, NSĐP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
7	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập, điều chỉnh quy hoạch các xã, phường	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính, Sở Xây dựng)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Quý I/2026 đã hoàn thành Quy hoạch tỉnh; Quý II/2026 hoàn thành quy hoạch các xã, phường	Ngân sách nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
8	Dự án nâng cấp, cải tạo các tuyến Quốc lộ 279	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Xây dựng)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Ngân sách nhà nước/PPP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
9	Dự án điều chỉnh, bổ sung dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	NSTW, NSĐP	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
10	Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2027	NSTW, NSĐP, ODA	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
II.2	Đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách Nhà					

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MƯU, PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
	nước					
1	Dự án tổ hợp cáp treo kết hợp du lịch văn hóa lịch sử Điện Biên Phủ	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
2	Dự án Khu đô thị mới, du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thể thao phía Tây Bắc phường Điện Biên Phủ	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
3	Dự án Khu đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ và sân golf Huổi Phạ và phụ cận	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
4	Dự án Điện mặt trời kết hợp với hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS)	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Đề nghị bổ sung
5	Khu đô thị mới Bắc Hồng Cúm (Phân khu A)	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
6	Dự án Khu đô thị mới Nam Thanh Trường	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà	Theo PL III kèm theo Chương trình

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MUU, PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
			đơn vị, địa phương liên quan		nước	số 40-CT/TU
7	Dự án đầu tư các công trình trục quảng trường, di tích, phố đi bộ phục vụ mục tiêu phát triển du lịch, kinh tế đêm	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
8	Các dự án phát triển nguồn nguyên vật liệu xây dựng bảo đảm nguồn cung cho các dự án trọng điểm	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Đề nghị bổ sung
9	Các dự án tạo nguồn thu từ đất đai	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Đề nghị bổ sung
10	Khu đô thị mới Him Lam, phía Đông đường 60m tại khu A, phường Điện Biên Phủ.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
11	Dự án khu dân cư đô thị mới và dịch vụ thương mại Nam Thanh B	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
12	Khu đa chức năng dọc trục đường 60m	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MUÙ, PHÓI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
		đầu tư)	UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan		nước	Chương trình số 40-CT/TU
13	Tổ hợp giáo dục FPT Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
14	Xây dựng 5 nhà máy chế biến mắc ca, cà phê, rau, quả, dược liệu	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
15	Thu hút 05 dự án về khai thác du lịch sinh thái dưới tán rừng	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
16	Xây dựng Công viên chuyên đề về Hoa Ban	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Nhà đầu tư); Đảng ủy Phường Điện Biên Phủ	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	Quý II/2026	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
17	10 dự án, trang trại sản xuất chăn nuôi tập trung, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy sản xuất phân bón	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU

STT	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐĂNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM MUU, PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC	GHI CHÚ
18	20 dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương; Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
19	Đền thờ liệt sĩ tại Chiến trường Điện Biên Phủ giai đoạn 2	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
20	3 dự án khu, cụm công nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương; Sở Tài chính; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách nhà nước; vốn ngân sách nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU
21	Một số khu đô thị, khu phức hợp đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Nhà đầu tư)	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	Theo PL III kèm theo Chương trình số 40-CT/TU

